

Biểu mẫu 10*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỞ GD & ĐT TP. CẦN THƠ

TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM

THÔNG BÁO*Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, Học kỳ I năm học 2022-2023*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1698	585	555	558
	Số học sinh chia theo hạnh kiểm K.11,12	1113	0	555	558
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	550 99,1	554 99,28
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	5 0,9	4 0,72
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo hạnh kiểm K.10	585	585	0	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	0	585 100	/	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	/	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1698	585	555	558
	Số học sinh chia theo học lực Khối 11.12	1113	0	555	558
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	351 63,24	339 60,75
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	185 33,33	208 37,28
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	19 34,42	11 1,97
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo học lực Khối 10	585	585	0	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	364 62,44	295 50,43	/	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	208 35,68	247 42,22	/	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 1,89	43 7,35	/	/
4	Không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1698	585	555	558
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1698 100	585 100	555 100	558 100
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	690 40,64	/	351 63,24	339 60,75
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	393 23,14	/	185 33,33	208 37,28
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,30	0	3 0,18	2 0,12
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,47	4 0,24	3 0,18	1 0,05
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	24	0	5	10
1	Cấp tỉnh/thành phố	15	0	5	10
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	9	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	/	/	/	/
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	/	/	/	/
VII	Số học sinh thi đỗ đại học (chỉ tính đỗ đại học nguyện vọng 1) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
IX	Số học sinh nam	667	229	226	212
	Số học sinh nữ	1031	356	329	346
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	122	35	44	43

Cần Thơ, ngày 16 tháng 2 năm 2023

Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Tốt

Cao Thi Ngọc Hà